

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **32/2018/HNGĐ-ST.**

Ngày: 09-7-2018

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Chiêm Ngọc Linh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Trần Hoàng Việt.

2/ Bà Bùi Thị Hồng Thu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lý Thị Qual - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2018/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 13/6/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Tr, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng

2. *Bị đơn:* Ông Dương Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp N, xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/4/2018 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Tr trình bày: Vào năm 1993 bà và ông Dương Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 03 năm sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông T không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, cờ bạc, đánh đập vợ con. Bà Tr đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn không sửa đổi. Nay tình cảm của bà đối với ông T không còn, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nên bà yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình chung sống bà Tr và ông T có 01 con chung tên Dương Thị Hồng C, sinh ngày 11/3/1993, đã trưởng thành có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Dương Văn T nhưng ông T không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà Tr, đồng thời ông T cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Dương Văn T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Dương Văn T.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng T, nhận thấy bà Tr và ông T sống chung với nhau vào năm 1993, nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 của Quốc hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Bà Tr và ông T chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn, nên theo quy định nêu trên pháp luật không công nhận bà Tr và ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống bà Tr và ông T có 01 con chung là Dương Thị Hồng C, sinh ngày 11/3/1993 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung: Bà Tr trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Nguyễn Thị Hồng Tr với ông Dương Văn T là vợ chồng.

- Về con chung: Con chung là Dương Thị Hồng C, sinh ngày 11/3/1993 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Tr đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009579, ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Ông Dương Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Dương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Dương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 09 tháng 7 năm 2018

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hoàng Việt.

2/ Bà Bùi Thị Hồng Thu.

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 93/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/8/2018 về việc tranh chấp ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hồng Trân.

Bị đơn: Dương Văn Tùng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Nguyễn Thị Hồng Trân với ông Dương Văn Tùng là vợ chồng.

- Về con chung: Con chung là Dương Thị Hồng Chi, sinh ngày 11/3/1993 đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Trân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Trân đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009579, ngày 04/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Ông Dương Văn Tùng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Dương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Dương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biên bản lập xong có đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày tháng năm 2018

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA